

Số: 12/2013/TT-BKHHCN

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt
Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia**

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2013/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm quốc gia (viết tắt là Dự án KH&CN) thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

2. Thông tư này áp dụng với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Dự án KH&CN thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia (viết tắt là SPQG) đến năm 2020.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Việc phối hợp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình tổ chức xây dựng, xét duyệt, thẩm định và phê duyệt Dự án KH&CN theo quy định tại Chương III của Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn quản lý Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN).

2. Việc xét duyệt Dự án KH&CN và nhiệm vụ KH&CN (viết tắt là nhiệm vụ) thuộc Dự án KH&CN do Cơ quan chủ quản SPQG (Bộ, ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) chủ trì thực hiện thông qua Hội đồng xét duyệt do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập.

3. Việc thẩm định Dự án KH&CN và nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng xét duyệt và Hội đồng thẩm định:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, đảm bảo tính khách quan và chịu trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

b) Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, tính chính xác đối với những ý kiến nhận xét, đánh giá; các thành viên và thư ký hành chính của Hội đồng, đại biểu tham dự có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan trong quá trình xét duyệt, thẩm định.

c) Phiên họp chính thức của Hội đồng xét duyệt phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và các ủy viên phản biện. Phiên họp chính thức của Hội đồng thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch và Phó chủ tịch. Ý kiến nhận xét của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

d) Chủ tịch điều hành các phiên họp Hội đồng, trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, Phó Chủ tịch có trách nhiệm điều hành phiên họp của Hội đồng.

5. Trường hợp cần thiết, Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG có quyền lấy ý kiến tư vấn của các chuyên gia, tổ chức tư vấn độc lập (sau đây gọi chung là chuyên gia tư vấn độc lập) trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

Chương II

XÉT DUYỆT DỰ ÁN KH&CN

Điều 3. Hồ sơ và danh mục sơ bộ Dự án KH&CN

1. Việc thực hiện đăng ký và xây dựng Thuyết minh Dự án KH&CN thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN.

2. Hồ sơ Dự án KH&CN gồm 01 bộ hồ sơ gốc và 01 file pdf chứa các tài liệu sau:

a) 01 Đơn đăng ký của Tổ chức đăng ký chủ trì;

b) 01 bản chính Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo Mẫu B5-DAKH&CN-SPQG quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN;

c) 01 bản sao quyết định thành lập, đăng ký hoạt động KH&CN, đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (đối với doanh nghiệp) của tổ chức đăng ký chủ trì;

d) 01 bản chính tóm tắt hoạt động KH&CN, sản xuất kinh doanh của tổ chức đăng ký chủ trì;

đ) 01 bản chính tóm tắt lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Dự án KH&CN;

e) 01 bản sao báo cáo tài chính 03 năm gần nhất của tổ chức đăng ký chủ trì Dự án KH&CN.

3. Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN:

a) Đối với sản phẩm quốc gia do các bộ, ngành quản lý:

Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn Hồ sơ đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Quyết định số 2441/QĐ-TTg), Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN và các văn bản khác có liên quan để xây dựng Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN đáp ứng yêu cầu theo mẫu quy định (Biểu A1-DMSB-DAKH&CN-SPQG tại Phụ lục 1) trình Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG quyết định đưa ra Hội đồng xét duyệt.

b) Đối với sản phẩm quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý:

Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn Hồ sơ đáp ứng các yêu cầu, quy định tại Quyết định số 2441/QĐ-TTg, Thông tư số 10/2013/TT-BKH&CN và các văn bản khác có liên quan để xây dựng Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN đáp ứng yêu cầu theo mẫu quy định (Biểu A1-DMSB-DAKH&CN-SPQG tại Phụ lục 1) trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định đưa ra Hội đồng xét duyệt.

Đối với các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu theo quy định, Ban chủ nhiệm chương trình hoặc Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo cho các tổ chức đăng ký chủ trì biết.

Điều 4. Xét duyệt Dự án KH&CN

1. Tổ chức Hội đồng:

a) Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập trên cơ sở đề xuất của Đơn vị quản lý SPQG. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG đánh giá Hồ sơ Dự án KH&CN.

b) Thành phần Hội đồng có từ 11 đến 15 thành viên gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên là các chuyên gia khoa học, cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện doanh nghiệp, trong đó số cán bộ quản lý, chuyên gia kinh tế, đại diện doanh nghiệp chiếm 40-50%. Cá nhân dự kiến làm chủ nhiệm Dự án KH&CN, chủ nhiệm các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN không được là thành viên Hội đồng.

c) Thư ký hành chính của Hội đồng có từ 2 đến 3 người thuộc Đơn vị quản lý SPQG và các đơn vị chức năng thuộc Cơ quan chủ quản SPQG.

d) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

2. Đại biểu mời tham dự cuộc họp của Hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình; đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính; đại diện các đơn vị chức năng thuộc Cơ quan chủ quản SPQG.

3. Tài liệu cung cấp cho các thành viên Hội đồng gồm: 01 bản sao Hồ sơ dự án KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 3; Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN (Biểu A1-DMSB-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1); 01 Quyết định thành lập Hội đồng; 01 Bản sao các tài liệu, văn bản pháp lý liên quan; Phiếu nhận xét, đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN, Phiếu nhận xét, đánh giá nhiệm vụ KH&CN theo mẫu quy định (Biểu A2-PĐG-TMDAKHCN-SPQG, Biểu A3-PĐG-NVDAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1). Tài liệu cung cấp cho các đại biểu tham dự họp gồm: 01 bản sao Hồ sơ dự án KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 3; Danh mục sơ bộ các dự án KH&CN (Biểu A1-DMSB-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1).

4. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá Hồ sơ Dự án KH&CN trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

Điều 5. Trình tự, nội dung họp Hội đồng

1. Phiên họp trừ bị:

a) Các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự nhận tài liệu quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Đại diện Đơn vị quản lý SPQG tuyên bố lý do cuộc họp, đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; Đại diện Cơ quan chủ quản SPQG phát biểu ý kiến, nêu yêu cầu đối với Hội đồng (nếu có);

c) Chủ tịch Hội đồng điều hành cuộc họp, Hội đồng thống nhất cử 01 thành viên Hội đồng làm thư ký khoa học;

d) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc đại diện tổ chức chủ trì trình bày Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

đ) Hội đồng thảo luận sơ bộ, nêu các câu hỏi đề nghị làm rõ thêm các thông tin, nội dung của Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

e) Hội đồng cử 02 thành viên làm chuyên gia phản biện hồ sơ Dự án KH&CN;

g) Hội đồng thống nhất lịch họp phiên tiếp theo.

2. Phiên họp xác định dự án KH&CN và Danh mục các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN :

a) Các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng trình bày nhận xét, đánh giá về hồ sơ, Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN và danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN; Thư ký Hội đồng đọc ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên vắng mặt (nếu có);

b) Hội đồng thảo luận, phân tích tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến, tính khả thi, hiệu quả của Dự án KH&CN; cho ý kiến về năng lực tổ chức đăng ký chủ trì, cá nhân đăng ký chủ nhiệm Dự án KH&CN;

c) Hội đồng xét duyệt thảo luận, phân tích sự cần thiết, tính phù hợp về tên, mục tiêu, nội dung chủ yếu, sản phẩm dự kiến của từng nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

d) Hội đồng tham khảo ý kiến của đại biểu tham dự cuộc họp;

đ) Hội đồng bỏ phiếu đánh giá hồ sơ Dự án KH&CN, phiếu đánh giá danh mục nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Hội đồng cử Ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên trong đó có Trưởng ban và 02 ủy viên. Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp theo mẫu quy định (Biểu A4-BBKP-TMDAKHCN-SPQG, Biểu A5-BBKP-NVDAKHCN-SPQG tại Phụ lục 1);

g) Hội đồng thông báo kết quả kiểm phiếu đánh giá. Dự án KH&CN được thông qua phải được ít nhất 2/3 tổng số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "Đáp ứng yêu cầu". Nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đề nghị đưa vào Danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu "Đề nghị thực hiện". Phiếu nhận xét của các thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo;

h) Trường hợp Dự án KH&CN được thông qua: Hội đồng kết luận các nội dung hồ sơ, thuyết minh cần chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện; Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu chuyên môn làm ủy viên phản biện cho từng nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án. Trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời thêm chuyên gia phản biện độc lập trước hoặc sau khi họp Hội đồng. Các ủy viên, chuyên gia phản biện có trách nhiệm xây dựng nội dung đặt hàng cho từng nhiệm vụ theo mẫu quy định (Biểu A6-PĐH-ĐT-SPQG, Biểu A7-PĐH-DASXTN-SPQG tại Phụ lục 1) để đưa ra thảo luận trong phiên họp tiếp theo. Nội dung đặt hàng đối với đề tài là xác định tên, định hướng mục tiêu, dự kiến sản phẩm và thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc); đối với dự án sản xuất thử nghiệm (viết tắt là dự án SXTN) là xác định tên, mục tiêu, sản phẩm chính, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cần đạt và thời gian thực hiện (bắt đầu/kết thúc);

i) Trường hợp Dự án KH&CN không được thông qua thì Hội đồng thống nhất kiến nghị một trong ba hướng xử lý: giao tổ chức đăng ký chủ trì chuẩn bị lại hồ sơ; giao tổ chức khác xây dựng hồ sơ; đề nghị không thực hiện. Ban chủ nhiệm chương trình hoặc Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì biết.

3. Phiên họp xây dựng nội dung đặt hàng cho các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN:

a) Ủy viên, chuyên gia phản biện trình bày dự thảo nội dung đặt hàng cho nhiệm vụ được phân công;

b) Hội đồng thảo luận, góp ý, hoàn thiện nội dung đặt hàng và biểu quyết thông qua từng nhiệm vụ theo nguyên tắc có ít nhất 1/2 tổng số thành viên Hội đồng có mặt biểu quyết thông qua;

c) Thư ký khoa học lập Biên bản làm việc của Hội đồng theo mẫu quy định (Biểu A8-BBHD-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1) kèm theo Danh mục nhiệm vụ của Dự án KH&CN đã được Hội đồng thông qua theo mẫu quy định (Biểu A9-DMNV-DAKHHCN-SPQG tại Phụ lục 1);

d) Hội đồng thống nhất kiến nghị về phương án giao trực tiếp hoặc đưa ra tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì từng nhiệm vụ của Dự án KH&CN trong Danh mục nêu tại điểm c) khoản này. Trường hợp cần thiết, Hội đồng kiến nghị mời chuyên gia quốc tế, chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài cùng tham gia nghiên cứu giải quyết nhiệm vụ. Đối với những nhiệm vụ mà Hội đồng chưa xác định được tổ chức dự kiến giao trực tiếp chủ trì hoặc xét thấy có nhiều tổ chức có khả năng thực hiện thì kiến nghị áp dụng hình thức tuyển chọn.

Điều 6. Phê duyệt Danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN và báo cáo nghiên cứu của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), Đơn vị quản lý SPQG chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG rà soát danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN đã được Hội đồng đề nghị thực hiện.

2. Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG ra quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN sau khi có ý kiến bằng văn bản của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ vào Quyết định phê duyệt, Đơn vị quản lý SPQG thông báo cho tổ chức chủ trì Dự án KH&CN và hướng dẫn việc xây dựng hồ sơ đăng ký chủ trì các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN (đề tài, dự án SXTN) để tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

Điều 7. Xét duyệt nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Tổ chức Hội đồng:

a) Hội đồng xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN do Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG thành lập trên cơ sở đề xuất của Đơn vị quản lý SPQG. Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG đánh giá hồ sơ đăng ký chủ trì nhiệm vụ của các tổ chức và cá nhân được giao trực tiếp hoặc tham gia tuyển chọn. Một Hội đồng thành lập có thể xét duyệt một số nhiệm vụ có các nội dung chuyên môn trong cùng một lĩnh vực chuyên ngành;

b) Hội đồng có 09 hoặc 11 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các uỷ viên Hội đồng. Các thành viên Hội đồng là các chuyên gia khoa học có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, chuyên gia kinh tế, chuyên gia tài chính và cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN. Cán bộ thuộc Tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể là thành viên Hội đồng, nhưng không quá 01 người. Chủ nhiệm Dự án KH&CN là thành viên bắt buộc của Hội đồng. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ, cán bộ tham gia thực hiện nhiệm vụ không được là thành viên Hội đồng;

c) Thư ký hành chính của Hội đồng có từ 02 đến 03 người thuộc Đơn vị quản lý SPQG và các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

2. Đại biểu tham dự họp Hội đồng gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình; đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ; đại diện Đơn vị quản lý SPQG; đại diện các đơn vị chức năng của Cơ quan chủ quản SPQG.

3. Tài liệu họp, trình tự, nội dung và phương thức làm việc của Hội đồng áp dụng theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước.

4. Trong trường hợp cần thiết, Đơn vị quản lý SPQG kiến nghị Cơ quan chủ quản SPQG mời chuyên gia tư vấn độc lập đánh giá thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN trước hoặc sau khi họp Hội đồng.

5. Thủ trưởng Cơ quan chủ quản SPQG phê duyệt tổ chức và cá nhân trúng tuyển thực hiện nhiệm vụ thuộc dự án KH&CN trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng xét duyệt và ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Chương III

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN KH&CN

Điều 8. Hồ sơ thẩm định

1. Hồ sơ thẩm định nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN gồm các bản sao sau đây:

a) Thuyết minh nhiệm vụ đã hoàn thiện kèm theo: bản giải trình về việc tiếp thu ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng xét duyệt; danh mục liệt kê các văn bản quy định chế độ, định mức và các văn bản có liên quan được sử dụng để xây dựng dự toán kinh phí của nhiệm vụ; báo giá nguyên vật liệu, thiết bị, bản quyền công nghệ, hợp đồng chuyên gia và các báo giá khác có liên quan;

b) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt nhiệm vụ;

c) Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKH&CN ngày 20 tháng 12 năm 2012 của liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính thực hiện Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020 (viết tắt là Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKH&CN);

d) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

2. Hồ sơ thẩm định Dự án KH&CN gồm các bản sao sau đây:

a) Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã hoàn thiện trên cơ sở tiếp thu ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN;

b) Biên bản họp Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN;

c) Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) Quyết định phê duyệt danh mục trúng tuyển các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

đ) Biên bản họp Hội đồng thẩm định của các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN;

e) Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN;

g) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Điều 9. Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN

1. Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm chương trình. Hội đồng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nội dung, kinh phí các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN và Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN để tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt.

2. Thành phần Hội đồng gồm 9 thành viên:

a) Chủ tịch là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình, chịu trách nhiệm điều hành chung.

b) Hai Phó chủ tịch là: 01 Lãnh đạo Vụ chuyên ngành; 01 Lãnh đạo Vụ Kế hoạch - Tài chính hoặc Lãnh đạo Văn phòng các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ.

c) Các ủy viên là: 01 đại diện Cơ quan chủ quản SPQG; 01 Chuyên gia kinh tế, tài chính; 01 chuyên gia là đại diện Hội đồng xét duyệt thuyết minh nhiệm vụ (khi thẩm định đề tài, dự án SXTN) hoặc đại diện Hội đồng xét duyệt Dự án KH&CN (khi thẩm định Dự án KH&CN); 01 chuyên viên Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ; 01 chuyên viên Vụ chuyên ngành, Bộ Khoa học và Công nghệ; 01 cán bộ thuộc Văn phòng các chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ kiêm thư ký Hội đồng.

3. Trường hợp cần thiết đối với đề tài, dự án SXTN có nội dung phức tạp, đặc thù về công nghệ, bản quyền công nghệ hoặc những nội dung khác liên quan đến chuyên gia nước ngoài, Ban chủ nhiệm chương trình đề xuất, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ mời chuyên gia tư vấn độc lập. Việc tư vấn độc lập thực hiện theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Ban chủ nhiệm chương trình có trách nhiệm tổ chức các phiên họp Hội đồng.

Điều 10. Nội dung thẩm định Hồ sơ nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN

1. Việc thẩm định hồ sơ, nội dung và kinh phí nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Nội dung chi và định mức chi căn cứ vào Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN.

Điều 11. Nội dung thẩm định Hồ sơ Dự án KH&CN

1. Thẩm định Hồ sơ Dự án KH&CN: rà soát tính đầy đủ, hợp lệ và hoàn thiện của Hồ sơ theo quy định.

2. Thẩm định Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN: rà soát mức độ hoàn thiện các nội dung của Thuyết minh, danh mục các nhiệm vụ đủ điều kiện triển khai thực hiện trong năm kế hoạch, danh mục các nhiệm vụ dự kiến thực hiện tiếp theo, tổng kinh phí thực hiện, tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đã được thẩm định. Bảo đảm đáp ứng các yêu cầu quy định tại Quyết định 2441/QĐ-TTg, Thông tư số 10/2013/TT-BKHCN, Thông tư liên tịch số 218/2012/TTLT-BTC-BKHCN.

3. Thẩm định Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN: rà soát tính pháp lý, khả thi các nguồn tài chính.

Điều 12. Tổ chức họp Hội đồng thẩm định

1. Đơn vị quản lý SPQG chịu trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của Hồ sơ thẩm định quy định tại Điều 8, chuẩn bị đủ số lượng hồ sơ gửi về Ban chủ nhiệm chương trình. Văn phòng các Chương trình quốc gia về khoa học và công nghệ có trách nhiệm cung cấp Hồ sơ thẩm định cho các thành viên Hội đồng thẩm định tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi thẩm định.

2. Thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm nhận xét hồ sơ theo Phiếu thẩm định theo mẫu quy định (Biểu B1-PTĐ-ĐT-SPQG, Biểu B2-PTĐ-DASXTN-SPQG, Biểu B3-PTĐ-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 2) trước phiên họp.

3. Trình tự, nội dung họp thẩm định

Chủ tịch Hội đồng điều hành các phiên họp của Hội đồng theo trình tự sau:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Chủ nhiệm Dự án KH&CN báo cáo giải trình về việc tiếp thu ý kiến đóng góp của Hội đồng xét duyệt trong việc hoàn thiện hồ sơ, thuyết minh;

b) Thành viên là đại diện của Hội đồng xét duyệt nhận xét, đánh giá mức độ hoàn thiện của Thuyết minh nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo ý kiến đóng góp, kết luận của Hội đồng;

c) Thư ký Hội đồng đọc ý kiến của chuyên gia thẩm định độc lập (nếu có);

d) Hội đồng trao đổi, thảo luận về những vấn đề liên quan đến thủ tục, hồ sơ, nội dung khoa học và kinh phí của nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN;

đ) Chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Chủ nhiệm Dự án KH&CN trả lời những câu hỏi của Hội đồng thẩm định;

e) Hội đồng họp riêng thảo luận và xác định về nội dung, kinh phí cần thiết để thực hiện nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN hoặc Dự án KH&CN;

g) Thư ký Hội đồng có trách nhiệm ghi chép ý kiến phát biểu của các thành viên Hội đồng và đại biểu tham dự; ghi Biên bản thẩm định theo mẫu quy định (Biểu B4- BBTĐ-ĐT-SPQG, Biểu B5-BBTĐ-DASXTN-SPQG, Biểu B6-BBTĐ-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 2).

4. Trong quá trình thẩm định nếu có những vấn đề vướng mắc không thống nhất được thì Chủ tịch Hội đồng trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Chương IV

PHÊ DUYỆT DỰ ÁN KH&CN

Điều 13. Hồ sơ trình phê duyệt

1. Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Đơn vị quản lý SPQG, Tổ chức chủ trì Dự án KH&CN hoàn thiện và chuẩn bị 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 2 điều này và Tờ trình phê duyệt theo mẫu quy định (Biểu C1-TTr-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 3) kèm theo Dự thảo Quyết định phê duyệt theo mẫu quy định (Biểu C2-QĐ-DAKHCN-SPQG tại Phụ lục 3) trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm:

a) 01 bản chính Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN đã được hoàn thiện sau khi thẩm định;

b) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục Dự án KH&CN và các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

c) 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc Dự án KH&CN của Cơ quan chủ quản SPQG;

d) 01 bản chính Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN của Bộ Khoa học và Công nghệ;

đ) 01 bản sao Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án KH&CN;

e) 01 bản sao Phương án huy động các nguồn tài chính thực hiện Dự án KH&CN đã được Hội đồng thẩm định thông qua;

g) 01 bản chính công văn của Cơ quan chủ quản SPQG (trường hợp Cơ quan chủ quản SPQG không là Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị phê duyệt Dự án KH&CN;

h) Văn bản ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có).

Điều 14. Phê duyệt Dự án KH&CN

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, phê duyệt Dự án KH&CN kèm theo Thuyết minh tổng quát Dự án KH&CN theo mẫu quy định (Biểu C2-QĐ-DAKH&CN-SPQG, Biểu C3-TMTQ-DAKH&CN-SPQG tại Phụ lục 3).

2. Phê duyệt bổ sung đối với các nhiệm vụ thuộc Dự án KH&CN chưa được tổ chức xét duyệt, thẩm định và phê duyệt kinh phí:

a) Căn cứ vào tiến độ thực hiện, Cơ quan chủ quản SPQG tổ chức xét duyệt nhiệm vụ theo quy định tại Điều 6; Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định nhiệm vụ theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9 Thông tư này.

b) Hồ sơ trình phê duyệt bổ sung gồm: 01 bản sao các văn bản quyết định phê duyệt Dự án KH&CN; tờ trình của Ban chủ nhiệm chương trình; dự thảo Quyết định phê duyệt bổ sung nhiệm vụ; 01 bản chính Quyết định phê duyệt danh mục tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan chủ quản SPQG; 01 bản sao Quyết định thành lập và Biên bản họp Hội đồng thẩm định nhiệm vụ; 01 bản chính công văn của Cơ quan chủ quản SPQG (trường hợp Cơ quan chủ quản SPQG không là Bộ Khoa học và Công nghệ) đề nghị phê duyệt nhiệm vụ.

c) Căn cứ vào Hồ sơ trình phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt bổ sung các nhiệm vụ để thực hiện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và thực hiện Dự án KH&CN căn cứ vào hướng dẫn của Thông tư này để tổ chức thực hiện.

2. Ban chủ nhiệm chương trình, Đơn vị quản lý SPQG có trách nhiệm quản lý toàn bộ các hồ sơ gốc và các văn bản chính trong quá trình xét duyệt, thẩm định và phê duyệt các dự án KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, CNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(Đã ký)

Chu Ngọc Anh